

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI SẢN	Năm 2023	Năm 2022
1	2	3	4
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	25,051,920,296	29,136,202,489
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	122,034,449	595,229,094
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	11,488,129,454	13,280,329,229
4	Hàng tồn kho	13,441,756,393	15,215,357,430
5	Tài sản ngắn hạn khác	0	45,286,736
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	1,237,324,321	581,390,750
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	714,041,684	470,993,532
	Tài sản cố định hữu hình	672,041,684	416,993,532
	Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
	Tài sản cố định vô hình	42,000,000	54,000,000
	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	0
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0
5	Tài sản dài hạn khác	523,282,637	110,397,218
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN I+II	26,289,244,617	29,717,593,239
III	NỢ PHẢI TRẢ	12,815,546,285	16,729,444,529
	Nợ ngắn hạn	12,630,546,285	15,771,996,529
	Nợ dài hạn	185,000,000	957,448,000
IV	VỐN CHỦ SỞ HỮU	13,473,698,332	12,988,148,710
1	Vốn chủ sở hữu	13,473,698,332	12,988,148,710
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	10,580,000,000	10,580,000,000
	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
	Các quỹ(đầu tư phát triển+ Ch/L tỷ giá)	1,287,651	1,287,651
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2,892,410,681	2,406,861,059
	Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	0	0
	Nguồn kinh phí		
	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN III+IV	26,289,244,617	29,717,593,239



II/ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	36,115,368,401
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (3=1-2)	36,115,368,401
4	Tổng chi phí bán hàng và cung cấp dịch vụ	33,412,395,830
5	Doanh thu hoạt động tài chính	1,462,183
6	Chi phí hoạt động tài chính	339,135,711
7	Lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh	2,365,299,043
8	Thu nhập khác	431,667,095
9	Chi phí khác	10,312,287
10	Lợi nhuận khác(10=8-9)	421,354,808
11	Tổng lợi nhuận trước thuế (11=7+10)	2,786,653,851
12	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	562,594,229
13	Lợi nhuận sau thuế	2,224,059,622
14	Lãi cơ bản trên cổ phiếu 14=13/1.058.000 cổ phiếu	1,992

III/ CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023
1	Cơ cấu tài sản		
	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	4.71
	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	95.29
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	Bảo toàn vốn tại công ty	Lần	1.00
	Nợ phải trả /Tổng nguồn vốn	%	48.75
	Nguồn vốn CSH /Tổng nguồn vốn	%	51.25
3	Khả năng thanh toán		
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2.05
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.95
4	Tỷ suất lợi nhuận		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	8.46
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / doanh thu thuần	%	6.09
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / vốn điều lệ	%	26.34
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn điều lệ	%	21.02

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Lệ

Lê Thị Lệ

